BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ QUỐC DÂN

Số: 1588 /QĐ-ĐHKTQD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo Kinh tế quốc tế Chất lượng cao, ngành Kinh tế quốc tế, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 10 chương trình đào tạo Chất lượng cao áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Kinh tế quốc tế Chất lượng cao, ngành Kinh tế quốc tế, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

Điều 3. Trưởng các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Chất lượng cao, Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT (để thông báo)
- V.TM&KTQT
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

PGS.TS Phạm Hồng Chương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Chương trình Chất lượng cao)

(Ban hành theo Quyết định số 1588 ngày 22 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)

***Ngành*: KINH TẾ QUỐC TẾ**
***Major*: International Economics**
CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ CHẤT LƯỢNG CAO
***Program*: International Economics**
***Mã ngành (Code of Major)*: 7310106**
***Hệ*: CHÍNH QUY**
***Type of Education*: Full-time**

Xây dựng từ chương trình của Đại học Kinh tế Quốc dân; Đại học Tổng hợp Bang California, Long Beach, Đại học Quốc tế Florida - Hoa Kỳ (Based on the curriculum of the NEU; California State University, Long Beach, Florida International University,USA)

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE.....1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES 2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ 2
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT.....2
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS).....3
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:.....3
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION.....9

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM):	CỬ NHÂN KINH TẾ QUỐC TẾ CHẤT LƯỢNG CAO (ADVANCED BACHELOR OF INTERNATIONAL ECONOMICS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KINH TẾ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ECONOMICS)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7310106
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh tế quốc tế đào tạo ra những cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý; có kiến thức chuyên sâu về nền kinh tế thế giới, quan hệ kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa.

Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp/ Job opportunity after graduate

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình Kinh tế quốc tế Chất lượng cao có thể làm việc tại các cơ quan ban ngành của Nhà nước và tổ chức xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế quốc tế; các viện nghiên cứu kinh tế; giảng viên trong các trường đại học; các cơ quan đại diện thương mại, đầu tư của Việt Nam

ở nước ngoài; các tổ chức quốc tế; các doanh nghiệp có hoạt động hợp tác với đối tác nước ngoài.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế, sinh viên có khả năng:

PLO1: Sinh viên nhớ và hiểu được các khái niệm, nội dung cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh liên quan đến nền kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế.

PLO 2: Sinh viên hiểu được các lý thuyết thương mại và tài chính quốc tế.

PLO 3: Sinh viên hiểu được các đặc trưng và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

PLO 4: Sinh viên có khả năng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại.

PLO 5: Sinh viên hiểu được tình hình thực thi chính sách kinh tế đối ngoại trong thực tiễn.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ

Khối lượng học tập của Chương trình Kinh tế quốc tế Chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 129 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo chất lượng cao ngành chuyên sâu Kinh tế quốc tế theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào Chương trình Kinh tế quốc tế Chất lượng cao.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

• **Thời gian đào tạo thiết kế** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

• **Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 129 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình chất lượng cao.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8.9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	**47**	
1.1. Các học phần chung	23	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa/Viện tự chọn 4 HP chung bắt buộc cùng lĩnh vực và vẫn đảm bảo tính đặc thù của CT CLC từ tổ hợp của Trường
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**82**	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	**15**	Các ngành cùng nhóm ngành lựa chọn 4-5 học phần bắt buộc chung cho nhóm ngành. Khoa/Viện tự xây dựng trên nền tảng chung của nhóm ngành và vẫn đảm bảo tính đặc thù của CT CLC
2.2. Kiến thức ngành	**39**	Các Khoa/Viện có các ngành chuyên sâu của CT CLC tự xây dựng
2.2.1. Các học phần bắt buộc	**24**	Các Khoa/Viện có các ngành chuyên sâu của CT CLC tự xây dựng
2.2.2. Các học phần tự chọn	**15**	Các Khoa/Viện có các ngành chuyên sâu của CT CLC tự xây

		dựng (SV tự chọn 15 tín chỉ) (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	**18**	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	**10**	
TỔNG SỐ	**129**	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Kế hoạch học tập chuẩn

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Học kỳ *Semester*							
						1	2	3	4	5	6	7	8
	1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**47**									
	1.1. Các học phần chung			**23**									
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin *Marxist-Leninist philosophy*	3	Tiếng Việt	3							
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin *Political economics of marxism and leninism*	2	Tiếng Việt	2							
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific socialism*	2	Tiếng Việt		2						
4	4	LLLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *Vietnam Communist Party History*	2	Tiếng Việt		2						
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh Ideology*	2	Tiếng Việt			2					
		TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Tiếng Anh 1, 2, 3 English 1,2, 3	12	Tiếng Việt	4	8						
		GDTC	Giáo dục thể chất *Physical Education*	x	Tiếng Việt	x	x	x	x				
		QPCT1101 QPCT1102 QPDL1103 QPDL1104	Giáo dục quốc phòng / *Military Education* Công tác quốc phòng an ninh/ *Introduction to the National Defense* Quân sự chung/ *General Military Education* Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt	x	Tiếng Việt			x					

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Học kỳ *Semester*							
						1	2	3	4	5	6	7	8
		QPDL1105	Nam/ *Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense* Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ *Stragegy and Technique of Shooting AK*										
	1.2. Các học phần bắt buộc của Trường			**12**									
6	1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế *Mathematics for Economics*	3	Tiếng Việt	3							
7	2	LUCS1129	Pháp luật đại cương *Fundamentals of Laws*	3	Tiếng Việt	3							
8	3	KHMI1101/ KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 (V/E) *Microeconomics 1*	3	Tiếng Việt /Tiếng Anh	3							
9	4	KHMA1101/ KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 (V/E) *Macroeconomics 1*	3	Tiếng Việt /Tiếng Anh		3						
	1.3. Các học phần của ngành			**12**									
10	1	QLKT1101	Quản lý học *Essentials of Management*	3	Tiếng Việt		3						
11	2	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh *Statistics for Economic and Business*	3	Tiếng Việt		3						
12	3	TIHT1102	Hệ thống thông tin quản lý *Management Information Systems*	3	Tiếng Việt		3						
13	4	KTKE1101	Nguyên lý kế toán *Accounting Principles*	3	Tiếng Việt			3					
	2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			**82**									
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			**15**									
14	1	PTKT1128E	Kinh tế phát triển *Development Economics*	3	Tiếng Anh			3					
15	2	TMKQ1102E	Kinh tế quốc tế 1 (E) *International Economics 1*	3	Tiếng Anh			3					
16	3	NHLT 1101	Lý thuyết tài chính tiền tệ *Monetary and Financial Theories*	3	Tiếng Việt			3					

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Học kỳ *Semester*							
						1	2	3	4	5	6	7	8
17	4	TMKQ1122E	Nền kinh tế thế giới (E) *The World Economy*	3	Tiếng Anh						3		
18	5	TMKQ1107E	Hội nhập kinh tế quốc tế (E) *International Economics Integration*	3	Tiếng Anh						3		
	2.2. Kiến thức ngành			**39**									
	2.2.1. Các học phần bắt buộc			***24***									
19	1	TMKQ1111E	Kinh tế quốc tế 2 (E) *International Economics 2*	3	Tiếng Anh				3				
20	3	TMKQ1103	Chính sách kinh tế đối ngoại 1 *Foreign Economic Policy 1*	3	Tiếng Việt					3			
21	4	TMKQ1115E	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và kinh doanh quốc tế (E) *English for International Economics and Business*	3	Tiếng Anh					3			
22	5	TMKQ1118E	Chính sách quản lý công ty đa quốc gia (E) *Government Policy for Multinational Corporations*	3	Tiếng Anh							3	
23	6	PTCC1130E	Kinh tế công cộng (E) *Public Economics*	3	Tiếng Anh				3				
24	7	TMQT1127	Kinh tế hải quan *Customs Economics*	3	Tiếng Việt						3		
25	8	TMKT1137	Kinh tế thương mại *Trade Economics*	3	Tiếng Việt					3			
26	9	TMKQ1106E	Đề án ngành Kinh tế quốc tế *Major Research Paper in International Economics*	3	Tiếng Anh							3	
	2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành **(SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)**			***15***									
28 29	1	QLKT1108	Phân tích chính sách *Introduction to Policy Analysis*	3	Tiếng Việt								
30 31	2	NHCO1107	Tài chính công *Public Finance*	3	Tiếng Việt								
32	3	NHTM1114E	Quản trị rủi ro *(E) Risk Management*	3	Tiếng Anh								

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Học kỳ *Semester*							
						1	2	3	4	5	6	7	8
	4	TMKD1101E	Kinh doanh quốc tế (E) *International Business*	3	Tiếng Anh								
	5	TOKT1101	Kinh tế lượng 1 *Econometrics 1*	3	Tiếng Việt								
	6	TMKD1131E	Nghiệp vụ ngoại thương (E) *Foreign Trade Practice*	3	Tiếng Anh								
	7	LUKD1101	Công pháp quốc tế *Public International Law*	3	Tiếng Anh								
	8	TMKT1116	Giao dịch và đàm phán kinh doanh *Business Communication and Negotiation*	3	Tiếng Việt								
	9	PTCC1128	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội *Research Methods for Socio - Economic*	3	Tiếng Việt								
	2.3. Kiến thức chuyên sâu ***(SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp sau)***			**18**									
33 34 35 36 37 38	1	TMKQ1104	Chính sách kinh tế đối ngoại 2 *Foreign Economic Policy 2*	3	Tiếng Việt							3	
	2	TMKQ1122	Chuyên đề đàm phán kinh tế quốc tế *International Economic Negotiations*	3	Tiếng Việt							3	
	3	TMKQ1114E	Kinh tế ASEAN (E) *The Economies of Association of Southeast Asian Nations*	3	Tiếng Anh							3	
	4	NHQT1107E	Tài chính quốc tế (E) *International Finance*	3	Tiếng Anh								
	5	TMKD1117E	Chiến lược kinh doanh toàn cầu (E) *Global Business Strategy*	3	Tiếng Anh								
	6	NHCO1113E	Thuế quốc tế (E) *International Taxation*	3	Tiếng Anh								
	7	TMQT1125	Thương mại điện tử *Electronic Commerce*	3	Tiếng Việt/ Tiếng Anh								

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Học kỳ *Semester*							
						1	2	3	4	5	6	7	8
39	8	TMKD1123	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế *International Supply chain management*	3	Tiếng Anh								
	9	KTKE1108E	Kế toán quốc tế (E) *International Accounting*	3	Tiếng Anh								
	2.4.	TMKQ 1127	**Chuyên đề thực tập (Internship Programme)**	10	Tiếng Việt/ Tiếng Anh								10
			Tổng số TC toàn khóa	129									

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TS. Tạ Văn Lợi

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐH. KINH TẾ QUỐC DÂN

PGS.TS. Phạm Hồng Chương